

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 01 năm 2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Bà Phạm Thị Hương.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXX-ST ngày 14/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1988

Nơi cư trú: thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng L, sinh năm 1988

Nơi cư trú: thôn D, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(anh L có mặt; chị N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh N có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đăng L có tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Đ và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 4 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2022 đến nay mỗi người sống một nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 28/9/2018, hiện con chung đang ở cùng chị Nhà. Ly hôn chị N nhận nuôi dưỡng

con chung, chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị N không có thai nghén gì, chị N đang làm kế toán tại công ty cổ phần A, địa chỉ: X, Bùi Sỹ T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, thu nhập 01 tháng là 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì bị đơn anh Nguyễn Đăng L trình bày như sau:

Anh xác định về thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn cũng như thời gian mâu thuẫn như chị Bùi Thị Thanh N đã trình bày là đúng. Theo anh cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Chị N đã đưa con về gia đình bố mẹ đẻ từ tháng 4/2022, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, anh có đi tìm nhưng chị N không về. Nay chị N có đơn xin ly hôn, thì anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N vẫn còn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 28/9/2018, nếu ly hôn xảy ra anh đề nghị giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Trang, trường mầm non xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị Bùi Thị Thanh N và anh Nguyễn Đăng L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 23/11/2017. Quá trình chung sống vợ chồng chị N, anh L có phát sinh mâu thuẫn, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 4/2022 cho đến nay. Nay Chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị N và anh L có 01 con chung là Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 28/9/2018, hiện con chung đang ở cùng chị N, đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Bùi Thị Thanh N và anh Nguyễn Đăng L là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Đ, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị N, anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/11/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay không hỏi han, chia sẻ với nhau, Chị N đang sinh sống tại thôn K, xã Q trong khi đó anh L sinh sống tại thôn D, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị N đề nghị ly hôn nhưng anh L không đồng ý ly hôn và anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị được ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Bùi Thị Thanh N và anh Nguyễn Đăng L có 01 con chung là Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 28/9/2018, hiện con chung đang ở cùng chị N. Ly hôn chị N, anh L đều đề nghị giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Kể từ khi vợ chồng ly thân, chị N nuôi dưỡng, chăm sóc con chung phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho chị Bùi Thị Thanh N trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Khánh T; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Thanh N, anh Nguyễn Đăng L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Thanh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Thanh N được ly hôn anh Nguyễn Đăng L.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Bùi Thị Thanh N trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 28/9/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh N phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Chị N đã nộp theo Biên lai thu số 0004827 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đăng L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Bùi Thị Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Đ, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Doanh

